

Số: 1814/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 28 tháng 10 năm 2011

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Cầu bắc qua kênh Tây thôn Sở Đông, xã Long Hưng, huyện Văn Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 20/7/2011 của UBND tỉnh ban hành quy định phân công nhiệm vụ và phân cấp quản lý trong các lĩnh vực quy hoạch xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 31/5/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục các tuyến đường GTNT ưu tiên đầu tư năm 2011 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên theo Đề án phát triển GTNT đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 1430/TTr-SGTVT ngày 19/10/2011,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo kinh tế- kỹ thuật xây dựng công trình Cầu bắc qua kênh Tây thôn Sở Đông, xã Long Hưng, huyện Văn Giang với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Cầu bắc qua kênh Tây thôn Sở Đông, xã Long Hưng
2. Chủ đầu tư: UBND huyện Văn Giang.
3. Tổ chức tư vấn lập BCKTKT: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Hoàng Hà.

4. Chủ nhiệm lập BCKTKT: Phạm Văn Phương.

5. Địa điểm xây dựng: Xã Long Hưng huyện Văn Giang.

6. Mục tiêu đầu tư: Thay thế cầu cũ hẹp (rộng 3.5 m) và đường dẫn đã xuống cấp để đảm bảo an toàn giao thông, đáp ứng nhu cầu lưu thông, vận chuyển hàng hoá của nhân dân trong khu vực góp phần đẩy nhanh sự phát triển kinh tế xã hội của huyện Văn Giang nói riêng và tỉnh Hưng Yên nói chung.

7. Nội dung và quy mô công trình:

7.1. Quy mô công trình:

- Phần cầu:

+ Cầu BTCT thường;

+ Tải trọng thiết kế: 0,5 \* HL93;

+ Sông không có thông thuyền;

+ Bề rộng toàn cầu:  $B_{tc} = 5m + 2 * 0.5m = 6m$ ;

- Đường hai đầu cầu:

+ Đường cấp VI đồng bằng;

+ Vận tốc thiết kế:  $V_{tk} = 25 \text{ km/h}$ ;

+ Tải trọng trục: 6 tấn.

7.2. Các chỉ tiêu kỹ thuật::

7.2.1 Phần cầu:

- Kết cấu phần trên:

+ Cầu gồm một nhịp dầm BTCT thường, chiều dài dầm  $L = 12m$ .

+ Dầm dạng bản rộng 6 m cao 0,6 m, đổ tại chỗ.

+ Lớp phủ mặt cầu bê tông lưới thép dày từ 7 cm đến 12 cm, dốc ngang mặt cầu  $i = 2\%$ .

+ Khe co giãn bằng đay tấm nhựa dày 2 cm.

+ Lan can tay vịn bằng thép mạ kẽm.

- Kết cấu phần dưới:

+ Mố cầu kiểu mố dẹt bằng BTCT, móng cọc BTCT 30cm\*30cm. Thi công bằng phương pháp ép cọc.

+ Nón mố được gia cố bằng đá hộc xây vữa XMCV mác 8 Mpa dày 25 cm.

+ Chân khay nón mố bằng đá hộc xây vữa XMCV mác 8 Mpa.

7.2.2. Đường hai đầu cầu:

a- Bình đồ: Tuyến cơ bản bám theo đường cũ, có nắn chỉnh cục bộ đảm bảo quy mô thiết kế và hạn chế giải phóng mặt bằng.. Chiều dài đường hai đầu cầu là 104,81 m.

b- Trắc dọc: Cao độ đường đò được khống chế bằng cao độ điểm đầu, điểm cuối và cao độ mặt cầu.

c- Trắc ngang đường:

- Đoạn Km 0- Km 0+15,38 và đoạn Km 0+31.02- Km 0+41,02:

+ Bề rộng nền:  $B_{nền} = 7 \text{ m}$

+ Bề rộng mặt đường:  $B_{mặt} = 3,5 \text{ m}$ . Dốc ngang hai mái 3%.

+ Bề rộng lề :  $B_{lề} = 2 \times 1,75 \text{ m} = 3,5 \text{ m}$ . Trong đó:

\* Bề rộng lề gia cố:  $B_{lgc} = 2 \times 0,75 \text{ m} = 1,5 \text{ m}$  ( kết cấu như kết cấu mặt đường). Dốc ngang 3%

\* Bề rộng lề đất :  $B_{ld} = 2 \times 1,0 \text{ m} = 2 \text{ m}$ . Dốc ngang 4%

- Đoạn Km 0+41,62 - Km 0+56,02:

+ Bề rộng nền:  $B_{nền} = (7 \text{ m}) - (6 \text{ m})$ .

+ Bề rộng mặt đường:  $B_{mặt} = 3,5 \text{ m}$ . Dốc ngang hai mái 3%.

+ Bề rộng lề :  $B_{lề} = (2 \times 1,75 \text{ m} = 3,5 \text{ m})$  chuyển tiếp đến  $(2 \times 1,25 = 2,5)$ .

Trong đó:

\* Bề rộng lề gia cố:  $B_{lgc} = 2 \times 0,75 \text{ m} = 1,5 \text{ m}$  ( kết cấu như kết cấu mặt đường). Dốc ngang 3%

\* Bề rộng lề đất :  $B_{ld} = (2 \times 1,0 \text{ m} = 2 \text{ m})$  chuyển tiếp đến  $(2 \times 0,5 = 1 \text{ m})$ . Dốc ngang 4%.

- Đoạn Km 0+56,02- Km 0+90,05

+ Bề rộng nền:  $B_{nền} = 6 \text{ m}$

+ Bề rộng mặt đường:  $B_{mặt} = 3,5 \text{ m}$ . Dốc ngang hai mái 3%.

+ Bề rộng lề :  $B_{lề} = 2 \times 1,25 \text{ m} = 2,5 \text{ m}$ . Trong đó:

\* Bề rộng lề gia cố:  $B_{lgc} = 2 \times 0,75 \text{ m} = 1,5 \text{ m}$  ( kết cấu như kết cấu mặt đường). Dốc ngang 3%

\* Bề rộng lề đất:  $B_{ld} = 2 \times 0,5 \text{ m} = 1,0 \text{ m}$ . Dốc ngang 4%

+ Đoạn Km 0+90,05- Km 0+120,45 ( vượt nối vào đường cũ):

\* Bề rộng nền đường:  $B_{nền} = (6,0 \text{ m})$  chuyển tiếp đến  $(4,0 \text{ m})$ .

\* Bề rộng mặt đường:  $B_{mặt} = (3,5 \text{ m})$  chuyển tiếp đến  $(3,0 \text{ m})$ . Dốc ngang hai mái 3%.

\* Bề rộng lề :  $B_{lề} = (2 \times 1,25 \text{ m} = 2,5 \text{ m})$  chuyển tiếp đến  $(2 \times 0,5 \text{ m} = 1,0 \text{ m})$ .

Trong đó:

- Bề rộng lề gia cố:  $B_{lgc} = (2 \times 0,75 \text{ m} = 1,5 \text{ m}) - (0 \text{ m})$  ( kết cấu như kết cấu mặt đường). Dốc ngang 3%.

- Bề rộng lề đất:  $B_{ld} = 2 - 0,5 \text{ m} = 1 \text{ m}$ . Dốc ngang 4%

- Kết cấu mặt đường:

+ Mặt đường BTXM mác 200# dày 22 cm.

+ Lớp cát đen tạo phẳng dày 5 cm.

+ Bù vênh bằng cấp phối đá dăm loại II dày  $\geq 12 \text{ cm}$ .

+ Mặt đường cũ hoặc đắp bù nền mở rộng bằng cấp phối đá dăm loại II (kể cả đắp bù đào hữu cơ dày 30cm, vét bùn dày 50 cm ).

+ Lề đường đắp bằng đất đầm chặt  $K=0,9$ . Mái ta luy đắp: 1/1.5, mái ta luy đào: 1/1.

- Thoát nước: Thoát nước tự nhiên.

- An toàn giao thông: Theo điều lệ báo hiệu đường bộ 22TCN 237-01.

6. Tổng mức đầu tư:	3.269.475.040 đồng
<i>Trong đó:</i> - Chi phí xây lắp:	2.618.779.351 đồng
- Chi phí QLDA:	52.725.691 đồng
- Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng:	254.521.088 đồng
- Chi phí khác:	46.223.906 đồng
- Dự phòng:	297.225.004 đồng

8. Loại cấp công trình:

- Cầu GTNT.

- Cấp công trình: Cấp IV.

9. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách tỉnh đầu tư phần cầu, chi phí QLDA, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác.

- Ngân sách huyện Văn Giang, ngân sách xã Long Hưng đầu tư phần đường hai đầu cầu và chi phí đền bù GPMB.

10. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tự thành lập Ban QLDA.

11. Thời gian thực hiện dự án: 2011-2012.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Chủ đầu tư và các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện Báo cáo kinh tế kỹ thuật theo đúng qui định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh về quản lý đầu tư và xây dựng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Văn Giang; Chủ tịch UBND xã Long Hưng và thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, GTTL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Xuân Thới*  
**Nguyễn Xuân Thới**